TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2024/DS-PT
Ngày: 29/5/2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và giá trị quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2024/QXXĐPT – DS ngày 15/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2024/QĐPT-DS ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Đỗ Văn G, sinh năm 1963;

2. Đỗ Thị N, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang;

3. Đỗ Văn M, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Đỗ Văn N1, sinh năm 1953; (đã chết)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4.1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N1:

4.2. Trần Thị M1, sinh năm 1953;

4.3. Đỗ Văn P, sinh năm 1983;

4.4. Đỗ Văn Đ, sinh năm 1985 (chết);

4.5. Đỗ Văn H, sinh năm 1988;

4.6. Đỗ Văn T, sinh năm 1990 (là vợ và các con của ông N1).

Người đại diện theo ủy quyền của ông G, bà N, ông M, anh Đ, anh H, anh T: Đỗ Văn P, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/4/2022 và hợp đồng ủy quyền ngày 07/6/2022).

- Bị đơn:

1. Huỳnh Minh T1, sinh năm 1973;

2. Huỳnh Công K, sinh năm 1978,

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950,

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1, anh K, bà H1: Huỳnh Văn T2, sinh năm 1938, địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/6/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Văn T2, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Văn S, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Đỗ Văn P, ông Huỳnh Văn T2 có mặt tại phiên tòa; Ông Võ Văn S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Đỗ Văn N2 và bà Lê Thị M2 (ông N2 chết năm 2003, bà M2 chết năm 2014, các nguyên đơn là con của ông N2 và bà M2)) khai mở vào năm 1962, canh tác lúa mùa. Đến năm 1976 thực hiện chính sách nhường cơm sẻ áo, Nhà nước lấy đất cấp cho các hộ khác và để lại cho gia đình 30 công. Năm 1983 thực hiện Chỉ thị 100, Nhà nước lấy 12 công đất của gia đình khoán cho các hộ ông Võ Văn C, do làm ăn thua lỗ nên bà Huỳnh Thị S1 siết nợ lấy đất của ông C, rồi bà S1 làm thủ tục sang tên cho con là Thái Minh S2.

Phần đất tranh chấp, vào năm 1973, Xã trưởng là ông C1 (đã chết) xin đất làm sân bóng, nên ông N2 cho mượn hơn 3.000m^2. Đến năm 1985, Nhà nước làm lộ Võ Văn K1 đi ngang đất, nên sau khi làm lộ thì đất chia làm 02 phần, do trủng thấp nên bỏ đất trống, không trồng trọt. Sau đó có chủ trương chủ củ kê khai đăng ký, nhưng lúc đó do gia đình làm ăn xa, nên không về đăng ký được, sau này mới biết ông T2 đã đi đăng ký và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trồng cây trên đất, sau đó ông T2 làm thủ tục tặng cho con là ông T1, ông K và chuyển nhượng đất cho bà H1.

Do đó khởi kiện, yêu cầu ông K trả lại 236,1m^2 đất; ông T1 trả lại 228,9m^2 đất và bà H1 trả lại 102,7m^2 đất.

Đối với yêu cầu của ông S2, thì không đồng ý vì nguồn gốc đất này là của ông N2 khai mở (là cha của các nguyên đơn).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn cho là phần đất của ông N2 khai mở từ năm 1962, đến năm 1978 Nhà nước trưng dụng làm sân bóng đá, đất tranh chấp thuộc sân bóng đá, sau đó Nhà nước làm lộ nên đất còn lại bỏ trống, đến khi Nhà nước cho đăng ký thì ông N3 không biết, ông T2 đi đăng ký phần đất mua của ông 2 Trương và phần đất của ông N1. Nên yêu cầu Toà án giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T2 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của do ông Huỳnh Văn T2 khai mở từ năm 1975 và năm 2000 nhận chuyển nhượng 12m chiều ngang từ ông 2 T3 (đã chết). Đến năm 2008 thì ông T2 đi đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, sau đó ông T2 làm thủ tục sang tên cho con là T1 và K, ngoài ra ông T2 còn sang nhượng và đã

chuyển quyền 01 phần diện tích đất cho bà H1. Do đó qua yêu cầu của các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì không đồng ý.

- *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn S và người đại diện trình bày*: Năm 1978, cha mẹ ông là Võ Văn C và bà Lưu Thị B được Nhà nước cấp 16.000m^2, để canh tác lúa. Đến năm 1987, Nhà nước làm lộ 844 (nay là Võ Văn K1) nên đã múc đất thi công làm nền đường khoảng 2.500m^2 đất. Sau khi làm lộ xong thì gia đình còn khoảng 13.000m^2 đất trồng lúa, còn lại do trũng thấp và phần mương lộ nên chỉ trồng cây bạch đàn (đã đốn làm nhà vào năm 2010). Đến năm 1998, gia đình bán phần đất cho bà Huỳnh Thị S1 (mẹ ông Thái Minh S2) 13.000m^2, đất còn lại 2 bên mương lộ tiếp tục sử dụng. Đến năm 2018 – 2019 đi làm ăn xa và không biết lý do gì mà các ông, bà: T1, K, H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó khởi kiện yêu cầu bà H1 trả lại 102,7m^2 đất, ông K trả lại 236,1m^2 đất, ông T1 trả lại 228,9m^2 đất và công nhận cho ông đối với diện tích 567,7m^2 thuộc các thửa 4415, 4416, 4417, tờ bản đồ số 6.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc đòi quyền sử dụng đất, đối với bà H1 diện tích 102,7m^2, thuộc thửa 4415, tờ bản đồ số 06; ông K diện tích 236,1m^2, thuộc thửa 4416, tờ bản đồ số 06; ông T1 diện tích 228,9m^2 thuộc thửa 4417, tờ bản đồ số 06. Đất toạ lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Hiện các ông, bà: Hường, K, T1 quản lý và sử dụng).

- Các ông, bà: Huỳnh Minh T1, Huỳnh Công K, Nguyễn Thị H1 được nhận số tiền bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo Biên lai thu ngày 26/5/2023).

- Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị M1, ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Văn Đ, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T, ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị N4 phải chịu 2.034.000đ (đã nộp xong). Ông Võ Văn S có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị M1, ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Văn Đ, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T, ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị N4 số tiền 2.034.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Các ông Đỗ Văn N1, Đỗ Văn M, Đỗ Văn G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị N phải nộp 355.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 638.000đồng theo biên lai thu số: 0010317 ngày 16/11/2020 (do bà

Trần Thị M1 nộp thay). Hoàn trả cho bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn G số tiền 283.000đồng.

+ Ông Võ Văn S phải chịu án phí 1.419.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 621.000đồng theo biên lai thu số: 0013167 ngày 16/9/2022 (do ông Nguyễn Phước T4 nộp thay). Ông Võ Văn S còn phải nộp tiếp 798.000đ (Bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2023, ông Đỗ Văn M, Đỗ Văn G, Đỗ Thị N, Đỗ Văn P là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Công nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp diện tích 567,7m² thuộc các thửa 4415, 4416, 4417 cho gia đình ông M, ông G, bà N, ông P và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N1 sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy phần đất tranh chấp có diện tích 567,7m^2, trong đó: 102,7m^2 thuộc thửa 4415; 228,9m^2 thuộc thửa 4416 và 228,9m^2 thuộc thửa 4417.

Diện tích đất tranh chấp cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Huỳnh Văn T2 tại thửa 2733, tờ bản đồ số 6, ngày 12/8/2008. Sau đó ông T2 xin tách thành 4 thửa: 4415, 4416, 4417 và 4418. Theo xác nhận trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hiện: bà Nguyễn Thị H1 được đứng tên tại thửa 4415, tờ bản đồ số 6, ngày 29/11/2017; ông Huỳnh Công K được đứng tên tại thửa 4416, tờ bản đồ số 6, ngày 10/11/2017; ông Huỳnh Minh T1 được đứng tên tại thửa 4417, tờ bản đồ số 6, ngày 17/11/2017.

Tại văn bản số: 1423/UBND-NC ngày 25/8/2021 của UBND huyện T cung cấp thông tin: "Ngày 12/8/2008, UBND huyện cấp Giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01664 (lần đầu) đối với thửa 2733, tờ bản đồ số 6, đất toạ lạc tại xã P được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy; khi cấp có đo đạc thực tế; cấp cách từ tim đường ĐT 844 (nay là đường V) ra mỗi bên 9m".

Nguyên đơn ông Đỗ Văn G, ông Đỗ Văn M, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P cho rằng, diện tích đất tranh chấp do ông N2 khai mở từ năm 1962. Trong quá trình sử dụng thì Nhà nước có lấy đất để thực hiện chính sách nhường cơm sẻ áo và khoán đất theo Chỉ thị 100, phần đất tranh chấp thì năm 1973, ông N2 giao cho chính quyền cũ làm sân bóng. Đến năm 1985, Nhà nước lấy đất sân bóng làm lộ ĐT 844 (đường V hiện nay) nên đất chia cắt làm 02 phần, trong đó có phần đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh diện tích đất tranh chấp là của nguyên đơn, cũng như quá trình canh tác, sử dụng phần đất tranh chấp qua các thời kỳ thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Đồng thời, nguyên đơn không chứng minh được việc ông T2 lấn chiếm đất, cũng như không chứng minh được việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2 là cấp nhầm đối tượng. Do đó Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Trong phần đất tranh chấp, có 01 phần diện tích do thực hiện dự án nâng cấp hệ cầu trên đường Đ (đoạn T - T), UBND huyện đã thu hồi quyền sử dụng đất và bồi thường hỗ trợ cho ông Huỳnh Công K số tiền 25.969.500đ; ông Huỳnh Minh T1 số tiền 35.223.000đ; bà Nguyễn Thị H1 số tiền 8.417.700đ. Số tiền này các đương sự thống nhất giao Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T tạm quản lý để chờ Toà án giải quyết. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên Bản án sơ thẩm tuyên các ông, bà: Huỳnh Minh T1, Huỳnh Công K, Nguyễn Thị H1 được nhận số tiền bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo Biên lai thu ngày 26/5/2023) là phù hợp.Từ những phân

tích trên, xét thấy Bản án sơ thẩm tuyên phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Đỗ Văn G, ông Đỗ Văn M, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn G, ông Đỗ Văn M, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST, ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định được xem là hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2] Ông Đỗ Văn M, Đỗ Văn G, Đỗ Thị N, Đỗ Văn P là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Công nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp diện tích 567,7m² thuộc các thửa 4415, 4416, 4417 cho gia đình ông M, ông G, bà N, ông P và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N1 sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông N2 khai mở từ năm 1962. Trong quá trình sử dụng thì Nhà nước có lấy đất để thực hiện chính sách nhường cơm xẽ áo và khoán đất theo Chỉ thị 100, phần đất tranh chấp thì năm 1973, ông N2 giao cho chính quyền củ làm sân bóng. Đến năm 1985, Nhà nước lấy đất sân bóng làm lộ ĐT 844 (đường V hiện nay) nên đất chia cắt làm 02 phần, trong đó có phần đất đang tranh chấp, sau khi làm lộ thì không canh tác do đất trủng thấp. Tuy nhiên các nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Bị đơn trình bày nguồn gốc đất tranh chấp của do ông Huỳnh Văn T2 khai mở từ năm 1975 và năm 2000 nhận chuyển nhượng 12m chiều ngang từ ông 2 T3 (đã chết). Đến năm 2008 thì ông T2 đi đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, sau đó ông T2 làm thủ tục sang tên cho con là T1 và K, ngoài ra ông T2 còn sang

nhượng và đã chuyển quyền 01 phần diện tích đất cho bà H1, lời trình bày của bị đơn phù hợp với Công văn số: 1423/UBND-NC ngày 25/8/2021 của UBND huyện T cung cấp thông tin: "Ngày 12/8/2008, UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ có số vào sổ CH 01664 (lần đầu) cho ông Huỳnh Văn T2 đối với thửa 2733, tờ bản đồ số 6, đất toạ lạc tại xã P được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Đồng thời tại giai đoạn phúc thẩm ông M, G, N, P cũng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, ông G, bà N, ông P.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn G, Đỗ Văn M, Đỗ Văn P, Đỗ Thị N giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông M, ông G, bà N, ông P không được chấp nhận nên ông M, ông G, bà N, ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông M, ông G là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc đòi quyền sử dụng đất, đối với bà H1 diện tích 102,7m^2, thuộc thửa 4415, tờ bản đồ số 06; ông K diện tích 236,1m^2, thuộc thửa 4416, tờ bản đồ số 06; ông T1 diện tích 228,9m^2 thuộc thửa 4417, tờ bản đồ số 06. Đất toạ lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Hiện các ông, bà: Hường, K, T1 quản lý và sử dụng).

- Các ông, bà: Huỳnh Minh T1, Huỳnh Công K, Nguyễn Thị H1 được nhận số tiền bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo Biên lai thu ngày 26/5/2023).

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị M1, ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Văn Đ, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T, ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị N4 phải chịu 2.034.000đ (đã nộp xong). Ông Võ Văn S có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị M1, ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Văn Đ, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T, ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị N4 số tiền 2.034.000đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Các ông Đỗ Văn N1, Đỗ Văn M, Đỗ Văn G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị N phải nộp 355.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 638.000đồng theo biên lai thu số: 0010317 ngày 16/11/2020 (do bà Trần Thị M1 nộp thay). Hoàn trả cho bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn G số tiền 283.000đồng.

+ Ông Võ Văn S phải chịu án phí 1.419.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 621.000đồng theo biên lai thu số: 0013167 ngày 16/9/2022 (do ông Nguyễn Phước T4 nộp thay). Ông Võ Văn S còn phải nộp tiếp 798.000đ (Bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn M, ông Đỗ Văn G được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn P phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001347 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

6.Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi Cục THADS huyện Tam Nông;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước